

Hoạt động ngân hàng phụ thuộc vào chính sách kinh tế vĩ mô. Vì vậy, muốn chấn chỉnh, củng cố toàn diện hệ thống ngân hàng trước hết, phải cải tổ chính sách vĩ mô, khi có một chính sách vĩ mô hợp lý, sẽ có khả năng cải tổ toàn diện hệ thống ngân hàng.

I. Ấn định rõ ràng chính sách vĩ mô phát triển từ nội lực.

Chính sách vĩ mô hiện nay của Đảng và Nhà nước là phát triển nhanh, công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ nội lực bản thân quốc gia. Tuy nhiên, chính sách này chưa được quan niệm đồng bộ. Trong khi một số bộ hay cơ quan, địa phương khuyến khích việc sản xuất nhựa dẻo, kính màu, đường mía, thì một số bộ hay cơ quan khác lại cho phép nhập khẩu nhựa dẻo, kính màu, đường mía hoặc chưa ngăn chặn được việc nhập khẩu lậu những sản phẩm này. Như vậy, cần có sự nhất trí và đồng bộ trong việc áp dụng chính sách vĩ mô nhằm



CHẤN CHỈNH, CÙNG CỐ TOÀN DIỆN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

TS. LÊ KHOA

vào việc phát triển từ nội lực bản thân quốc gia, có thể gồm một số điểm như sau:

1. Ưu tiên xây dựng KVSX I nhằm vào việc tự sản xuất lấy những máy móc và công cụ sản xuất có thể sản xuất tại Việt Nam: Lý do là những máy sản xuất ở Việt Nam rẻ giá chỉ bằng 1/5 đến 1/3 so với những máy nhập khẩu, việc đầu tư bằng máy tự sản xuất sẽ tiến hành không tốn nhiều ngoại tệ và vấp phải ranh giới ngoại tệ hạn chế. Do giá rẻ, cùng với một số vốn đầu tư, công suất các nhà máy xây lắp sẽ mạnh gấp 3-5 lần so với việc nhập khẩu máy ngoại. Đồng thời, do không tốn ngoại tệ và lượng máy sản xuất trong nước có khả năng tăng mạnh, nên tổng vốn đầu tư của Việt Nam sẽ có khả năng tăng 30-40% GDP, do không vấp phải lượng ngoại tệ hữu hạn.

Có ý kiến cho rằng máy sản xuất ở Việt Nam có chất lượng kém hơn nước ngoài. Tuy nhiên, sau khi sản xuất các máy xấu, chúng ta sẽ có kinh



nghiệm để làm những máy tốt hơn. Còn trong trường hợp đầu tư bằng máy ngoại, chúng ta sẽ không bao giờ làm được những máy dù xấu chăng nữa.

Kinh nghiệm cho thấy những năm gần đây, chúng ta bỏ ra hàng 2 tỷ USD / năm nhưng thường chỉ mua được những máy lỗi thời hàng chục năm về trước và được tân trang lại.

Tất cả các nước công nghiệp và hiện đại đều có KVSX I sản xuất những máy cần thiết trong nước. Các nước tư bản phát triển đều có khu vực sản xuất các máy rất phát triển. Việc xây dựng KVSX I, sản xuất được đủ các loại máy cần thiết, là điều kiện cơ bản của độc lập tự chủ chính trị, quân sự, kinh tế và tài chính.

2. Kiểm tra các nguồn ngoại tệ và ưu tiên sử dụng ngoại tệ để mua những máy chưa chế tạo được hay chưa chế tạo đủ ở Việt Nam: Năm 1998 và 1999, trong tổng số nhập khẩu 11,5 - 11,6 tỷ USD, chúng ta chỉ nhập khẩu có 2,1 - 2,0 tỷ USD máy. Rõ ràng rằng số nhập khẩu máy và thiết bị trên đây quá thấp, Việt Nam có khả năng đưa số nhập khẩu máy lên 3 tới 6 tỷ USD do đó có khả năng tăng mạnh tổng vốn đầu tư của Việt Nam. Để đạt kết quả này, cần kiểm tra các nguồn ngoại tệ và vốn ngoại tệ ưu tiên cho việc nhập khẩu máy và thiết bị toàn bộ, đặc biệt là những thiết bị Việt Nam chưa có khả năng sản xuất hay sản xuất chưa đủ.

Bằng cách tăng sản xuất tối đa KVSX I Việt Nam và bằng cách nhập khẩu máy ngoại, chúng ta sẽ có khả năng đưa tổng vốn đầu tư của Việt Nam lên khoảng 30-35% GDP do đó tăng đáng kể nhịp phát triển kinh tế quốc gia.

3. Áp dụng phương pháp bố trí đầu tư ưu tiên cho những ngành công nghiệp tiên tiến nhất, bỏ qua các giai đoạn trung gian và tiến ngay vào kỹ thuật tiên tiến nhất, những ngành sản xuất cho giá trị tăng thêm cao nhất: Tập trung đầu tư cho các mặt hàng điện tử, máy vi tính, phụ tùng xe ô tô và xe gắn máy, vỏ xe ô tô xe gắn máy, các mặt hàng tiêu dùng cao cấp như máy lạnh, nồi cơm điện v.v... là những thứ ta đang cần nhập khẩu nhiều, giá cao, 1 đồng USD nhập khẩu vật tư có khả năng tạo ra đến 4-10 USD giá trị thêm vào.

Thay vì xuất khẩu nông khoáng sản thô, tập trung đầu tư nhanh chóng cho việc biến chế nông khoáng sản thành các sản phẩm biến chế cấp trung hay cao cấp.

Thay vì nhập khẩu các hàng công nghiệp cao cấp, giá rất đắt, chúng ta nên áp dụng phương pháp "thay hàng nhập khẩu bằng hàng nội tự sản xuất lấy". Có thể nhập khẩu một số hàng nước ngoài làm mẫu, và

sau khi xem xét các ưu và khuyết điểm, có thể tạo ra những hàng Việt Nam tương tự như các hàng nước ngoài.

4. Cứ mỗi năm, kiểm tra tình hình trang thiết bị các nhà máy, các mặt hàng đã sản xuất, yêu cầu các doanh nghiệp lập dự án tân trang các nhà máy và sản xuất thêm những mặt hàng mới: Các doanh nghiệp sẽ lập các dự án tân trang thiết bị trong năm tới và cho biết sẽ sản xuất những mặt hàng mới nào. Cùng lúc, các doanh nghiệp sẽ báo cáo số vốn tự có, nhu cầu được vay thêm vốn mới và nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu máy mới cùng những vật tư mới cần thiết cho sản xuất.

Căn cứ trên các yêu cầu trên đây, Bộ Kế hoạch đầu tư sẽ làm việc với:

- Bộ công nghiệp phụ trách KVSX I để sản xuất các máy cần thiết cho các dự án được chấp thuận đầu tư, thứ gì thiếu hay sản xuất không đủ, không kịp trong nước mới phải nhập khẩu,

- Ngân hàng để thỏa thuận về vốn và ngoại tệ cấp cho doanh nghiệp đầu tư tân trang thiết bị,

- Bộ ngoại thương để thỏa thuận về lượng máy và vật tư cần nhập khẩu và đồng thời nếu như năm qua Bộ có chấp thuận cho nhập khẩu một số hàng tiêu dùng hay máy, nhưng do các doanh nghiệp sẽ sản xuất được những máy và mặt hàng mới trong năm tới nên Bộ ngoại thương sẽ thỏa thuận cắt bớt việc nhập khẩu những hàng sẽ sản xuất được tại Việt Nam. Bộ phận Hải quan đồng ý sẽ cố gắng ngăn chặn được các mặt hàng mà Bộ ngoại thương cấm không cho nhập khẩu. Các tỉnh sẽ kiểm tra không cho bày bán các mặt hàng nằm trong danh sách hàng cấm nhập khẩu, tránh được tình trạng hiện nay là nhà nước cấm cho nhập khẩu thuốc lá ngoại, nhưng trên các đường phố, thuốc lá ngoại vẫn bày bán tự do.

Để kết luận, chính sách vĩ mô công nghiệp hoá, thay thế các hàng ngoại bằng hàng nội có tính đồng bộ từ khâu tự sản xuất lấy hàng loạt máy nội ưu tiên cần thiết trong khi vẫn tăng gia nhập khẩu các máy còn thiếu, như vậy sẽ không thiếu máy để tân trang lại phục vụ yêu cầu phát triển sản xuất nông công nghiệp Việt Nam. Ngoại tệ cũng dùng ưu tiên để nhập khẩu vật tư cần thiết cho các nhà máy hoạt động hết công suất. Các nhà đầu tư được cấp vốn đủ để thực hiện đầu tư. Sau khi hàng đã sản xuất, Bộ ngoại thương và Hải Quan đảm bảo sẽ không cho nhập hàng cùng loại của nước ngoài và sẽ không có nạn "hàng nhập khẩu lậu chưa ngăn chặn được" để các doanh nghiệp có thị trường nội rộng rãi khiến cho hàng nội bán chạy và các

doanh nghiệp có khả năng thu lợi nhuận đủ để hoàn vốn vay lại cho ngân hàng.

Như vậy, chính sách phát triển được quan niệm đồng bộ từ khâu đầu tư, sản xuất đến khâu tiêu thụ những hàng sản xuất ra và cả việc hoàn vốn cho ngân hàng.

Các chương trình đầu tư phải có quy mô đủ để thực hiện sự toàn dụng nhân công và toàn dụng công suất các nhà máy, huy động được toàn bộ tiềm năng sản xuất trong nước.

II. Chấn chỉnh, củng cố toàn diện ngân hàng để phát triển từ nội lực quốc gia

Chính sách vĩ mô trên, sau khi được các nhà khoa học kỹ thuật đề xuất, nếu được Đảng và Nhà Nước chấp thuận thì biến thành đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá Việt Nam. Như đã trình bày trên, ngân hàng có nhiệm vụ thực hiện chính sách của Đảng và Nhà Nước. Khi chính sách công nghiệp hoá đã có những bộ phận đồng bộ và rõ ràng, ngân hàng sẽ tập trung toàn bộ quyền lực và phương tiện của mình để hoàn thành kế hoạch kinh tế hàng năm, từ đó sẽ tự chấn chỉnh, củng cố và cải tổ toàn diện hệ thống ngân hàng.

1. Tập trung toàn bộ ngoại tệ vào ngân hàng, huy động một số vốn ngoại tệ tối đa để nhập khẩu máy ngoại, thuê nước ngoài làm cho Việt Nam những công trình vượt quá khả năng quốc gia.

Chính sách vĩ mô nhằm tăng tối đa đầu tư bằng việc nhập khẩu máy ngoại, để thực hiện chính sách này, ngân hàng bắt buộc phải huy động toàn bộ ngoại tệ để cấp cho các Tổng công ty quốc gia, có nhiệm vụ thực hiện các công trình đầu tư, đủ ngoại tệ để nhập khẩu các máy cần thiết chưa chế tạo được ở Việt Nam.

Các nguồn ngoại tệ trôi nổi và chưa quản lý trọn vẹn như kiều hối, đô la du khách, xuất khẩu không giấy phép qua biên giới, đầu tư chui ước chung khoảng 3 tới 5 tỷ USD / năm cần phải thu hút vào ngân hàng để dùng mua những máy chưa chế tạo được tại Việt Nam hay chế tạo chưa đủ, như vậy sẽ phát huy hiệu quả kinh tế lớn lao, đồng thời sẽ cần bán chấm dứt được việc nhập khẩu lậu nhiều loại hàng quốc cấm như thuốc lá ngoại, ma túy, sản phẩm văn hóa đồi trụy đến nay vẫn còn tìm mua được dễ dàng trên thị trường. Nếu các nguồn ngoại tệ trôi nổi trên đây được thu hút vào ngân hàng, việc nhập khẩu lậu các hàng hóa "quốc cấm" trên đây và rất nhiều hàng tiêu dùng khác sẽ được ngăn chặn từ nguồn, vì các nhà cung cấp nước ngoài luôn luôn đòi trả tiền mặt bằng USD.

Trong nền kinh tế thị trường, phương án hữu hiệu nhất để thu hút

các ngoại tệ trôi nổi là cạnh tranh với những người nhập khẩu lậu bằng cách trả tỷ giá cao hơn họ. Ngân hàng cũng không bị thiệt khi mua các ngoại tệ trôi nổi với giá cao, vì ngân hàng sẽ bán lại cho những nhà nhập khẩu một số sản phẩm tiêu dùng cao cấp với tỷ giá cao bằng với tỷ giá mua các nguồn ngoại tệ trôi nổi. Đồng thời, ngân hàng cũng yêu cầu công an phát hiện và bắt những người chuyên mua và bán ngoại tệ không có giấy phép hành nghề của ngân hàng. Bằng cách ấn định 2 tỷ giá, tỷ giá chính thức dùng cho việc nhập khẩu máy và vật tư, các vụ việc xuất khẩu thông thường và tỷ giá cao hơn dành cho việc thu mua các ngoại tệ trôi nổi, ngân hàng sẽ thu được hàng nhiều tỷ USD dùng để nhập khẩu máy và ngăn chặn được nạn nhập khẩu lậu ma túy, sản phẩm văn hóa đồi trụy, thuốc lá và rất nhiều loại hàng tiêu dùng khác bằng cách triệt tiêu nguồn ngoại tệ trôi nổi là nguồn ngoại tệ chủ yếu của các nhà nhập khẩu lậu.

Tất cả các nước đang phát triển bắt buộc phải dùng chính sách kiểm soát ngoại tệ. Ngoại tệ là máu của nền kinh tế quốc gia. Khuyết điểm quan trọng nhất của ngân hàng hiện nay là chưa thu hút được ngoại tệ vào ngân hàng và chưa dùng ngoại tệ để nhập khẩu ưu tiên máy móc.

Các nguồn ngoại tệ hàng năm hiện nay ước khoảng 15-17 tỷ USD/năm (xuất khẩu 11-12 tỷ, kiều hối, du khách khoảng 2-3 tỷ, đầu tư nước ngoài khoảng 2-4 tỷ), nếu tập trung được khoảng 5-7 tỷ USD / năm dành cho việc xây dựng các nhà máy trọng điểm, thì sẽ đạt quy mô đầu tư lớn hơn hiện nay nhiều.

2. Tập trung ưu tiên tín dụng cho đầu tư, bố trí đầu tư cho những ngành sản xuất cao cấp, trung cấp cho giá trị thêm vào cao nhất.

Ngân hàng có quyền in và lưu hành thêm giấy bạc. Khi kinh tế phát triển, khối hàng hóa lưu thông tăng thêm, do đó bắt buộc lượng tiền phải tăng thêm tương ứng.

Kinh nghiệm mấy năm gần đây, nền kinh tế thị trường có khuyết điểm là các doanh nghiệp tư nhân không có đủ vốn để đầu tư thành lập các nhà máy có vốn cỡ một tỷ USD trở lên, mới có khả năng làm được như nhà máy lọc dầu, sản xuất phụ tùng xe ô tô, xe gắn máy, máy vi tính. Rõ ràng rằng chỉ có nhà nước mới có khả năng thực hiện những công trình rất cần thiết trên đây. Các chương trình "kích cầu" thường vấp phải trở ngại là tư nhân không vay vốn ngân hàng để đầu tư trong các giai đoạn đình đốn. Chính vì vậy, Keynes đã đề nghị "nhà nước đứng ra thực hiện đại đầu tư". Việc thành lập các công ty quốc doanh rất dễ dàng vì chỉ cần một

quyết định của Thủ tướng và sau đó ngân hàng hay Bộ Tài chính cấp vốn cho công ty, Thủ tướng chỉ định những cán bộ giỏi nhất và liêm khiết vào Ban quản lý.

Nếu phương án này được chấp thuận thì có thể thành lập 1 cơ quan liên ngân hàng, tập trung các vốn "thừa" hiện nay và giao cho các tổng công ty quốc doanh trọng điểm để xây dựng những nhà máy lọc dầu, máy vi tính, v.v..., như vậy sẽ giải quyết được vấn đề thừa vốn của ngân hàng và hàng loạt nhà máy quy mô lớn sẽ được xây dựng mỗi năm. Hiện nay, ngân hàng đang đứng trước tình hình "thừa vốn", vốn thì nhiều nhưng người vay không có hoặc có nhưng thuộc loại đáng nghi ngờ. Trong các giai đoạn đình đốn các doanh nhân tư nhân hay nước ngoài rất ngại đầu tư. Nếu ngân hàng ứng vốn với quy mô đủ cho Bộ Tài chính để cấp cho các tổng công ty quốc doanh, hoặc vốn do ngân hàng trực tiếp hùn với các tổng công ty, được trao nhiệm vụ thành lập hàng loạt công trình có quy mô lớn, thì từ tình trạng "thừa vốn" ngân hàng sẽ chuyển ngay sang tình trạng thiếu vốn ngay.

Như vậy, chương trình cải tổ toàn diện hệ thống ngân hàng rất đơn giản nhưng rất hữu hiệu. Chỉ cần ngân hàng tập trung 5-7 tỷ USD ngoại tệ/năm và một số vốn tương ứng bằng tiền Việt Nam để ứng cho các công trình trọng điểm được xây dựng theo một nhịp khẩn trương. Kinh tế Việt Nam với số vốn đầu tư khoảng 30-35 GDP sẽ phát triển rất nhanh vì đạt được quy mô đầu tư cần thiết.

III. Những chính sách yểm trợ cho việc tài trợ đại đầu tư

1. Chính sách tỷ giá ưu tiên cho người sản xuất và xuất khẩu (thay vì ưu tiên cho người nhập khẩu)

Khi tiền nội được lưu hành thêm nhiều để tài trợ cho đại đầu tư, tất nhiên, cần một tỷ giá mềm để khuyến khích xuất khẩu và bảo vệ hàng nội. Đồng thời, cũng cần nâng cao tỷ giá để cho du khách và kiều bào hào hứng bán ngoại tệ cho ngân hàng. Như vậy, cần áp dụng chế độ đa tỷ giá, tỷ giá cao dành cho việc mua ngoại tệ kiểu bảo du khách và các ngoại tệ trôi nổi, tỷ giá này cũng dành cho việc nhập khẩu những hàng tiêu dùng xa xỉ, tỷ giá thấp hơn đôi chút dành cho việc nhập khẩu máy và vật tư. Tỷ giá này cũng dành để mua ngoại tệ xuất khẩu.

2. Chính sách hạ lãi suất cho vay để thực hiện đại đầu tư:

Để kích cầu, cần giảm bớt lượng tiền gửi tiết kiệm vào ngân hàng với lãi suất cao, ngân hàng chỉ nên nhận những tiền gửi hoạt kỳ lãi suất thấp. Để thực hiện việc này, ngân hàng nên biến thành hệ thống cung cấp

dịch vụ như các ngân hàng ở nước ngoài, thay vì chỉ là các quỹ tiết kiệm nhận tiền từ nhân gởi tiết kiệm với lãi suất cao và do đó cũng phải cho vay với lãi suất cao. Như vậy, vô hình trung, ngân hàng trở thành một cơ quan ăn lãi nặng.

Lãi suất ở Việt Nam đã hình thành cao hơn nhiều so với lãi suất các ngân hàng ở nước ngoài, như người Nhật áp dụng lãi suất chỉ có 2% năm so với ta lãi suất tính khoảng gần 1% tháng một khiến cho nhiều doanh nghiệp phải trả lãi suất hàng tháng cho ngân hàng nhiều hơn cả cho công nhân trong doanh nghiệp, như vậy giá trị thặng dư thực hiện được chỉ dùng phần lớn để trả lãi ngân hàng. Một trong những lý do khiến cho mãi lực người dân thấp vì họ gởi tiền tiết kiệm vào ngân hàng để thu lợi thay vì dùng để "kích cầu". Đồng thời giá hàng nội thường cao hơn giá hàng nhập khẩu do các doanh nghiệp Việt Nam phải trả lãi ngân hàng quá cao.

Khi giảm lãi suất tiết kiệm và lãi suất cho vay, ngân hàng sẽ "kích cầu" một cách hạn hiệu, vì người dân sẽ giữ tiền lại để đầu tư hay tăng tiêu dùng, đồng thời ngân hàng sẽ giảm bớt gánh nặng lãi suất mà các doanh nghiệp phải trả hàng tháng cho ngân hàng. Ngân hàng cũng sẽ không thiếu vốn cho các doanh nghiệp vay, khi sử dụng bút tệ và khi đến Ngân hàng Nhà nước để xin tái thể chấp lại các hồ sơ đã cho vay. Tất nhiên, Ngân hàng Nhà nước nên ấn định một chính sách tái thể chấp khá rộng rãi thì các ngân hàng thương mại mới có khả năng hạ được lãi suất tiết kiệm và lãi suất cho vay

3. Ưu tiên cho vay để đầu tư: Đây là hòn đá thử vàng của chính sách tiền tệ ngân hàng. Trong các vụ án Minh Phụng - Epcoc, điều ít được nói tới là tín dụng được cấp để nhập khẩu, đầu tư địa ốc, cho vay nợ mới để trả nợ cũ dáo dác và hầu như không có những chương trình cho vay để xây các nhà máy.

Để khuyến khích người đầu tư xây các nhà máy mới, nên áp dụng chế độ lãi suất ưu tiên, thấp cho việc xây các nhà máy mới. Các vụ việc vay tiền để nhập khẩu, mua hàng tiêu dùng, mua đất sẽ chịu lãi suất cao.

Như vậy, việc cải tổ "toàn diện ngân hàng" khá dễ dàng. Trước tiên là Đảng và Nhà nước ấn định chính sách đại đầu tư, và ngân hàng thực hiện chính sách trên bằng những biện pháp đồng bộ, sẽ thực hiện được việc cải tổ toàn diện ngân hàng để phục vụ chính sách phát triển từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia ■